

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/DS - PT
Ngày: 05 - 5 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng
đặt cọc và thực hiện nghĩa vụ tài
sản do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 136/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 61 Mai Thị Non, Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.
(Văn bản ủy quyền ngày 28-02-2019).

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Thái H, sinh năm 1973;

2. Ông Huỳnh Thế V, sinh năm 1976;

3. Ông Huỳnh Công Q, sinh năm 1980;

4. Bà Huỳnh Thị Minh H2, sinh năm 1981;

Cùng nơi đăng ký HKTT: 155 T, Phường 14, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L – Nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức.

(Bà H1, ông V, ông Q có mặt; ông H và bà H2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L do bà Nguyễn Thị Thúy H1 đại diện trình bày:

Vào ngày 06-01-2018, bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị N ký kết với nhau “Giấy nhận cọc” với nội dung bà N sẽ chuyển nhượng cho bà L phần đất có diện tích 1.500m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An với giá 1.050.000.000 đồng. Bà đã đặt cọc trước cho bà N số tiền 100.000.000 đồng vào ngày ký hợp đồng đặt cọc có sự chứng kiến của ông Nguyễn Hữu L. Hai bên thỏa thuận hẹn 20 ngày nữa sẽ ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng, bà L sẽ giao tiếp cho bà N số tiền 600.000.000 đồng, số tiền còn lại 350.000.000 đồng sẽ giao trong vòng 4 tháng (trừ vào tiền cọc 100.000.000 đồng là đủ 1.050.000.000 đồng). Tuy nhiên từ khi đặt cọc cho đến nay, bên bà N không liên lạc gì với bà L để hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng. Đến ngày hẹn bà L không có đem tiền đến Văn phòng Công chứng và cũng không có lần nào gặp bà N, do bà N đem 500m² đất trong 1.500m² đã ký hợp đồng đặt cọc với bà L bán cho bà Nguyễn Thị T. Rõ ràng việc làm của bà N là vi phạm hợp đồng đặt cọc chứ bản thân bà L luôn muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Sự việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc vào năm 2018 bà L đã khởi kiện ra Tòa án nhưng vào ngày 17-7-2018 bà N chết. Bà L đã rút đơn khởi kiện với mong muốn thỏa thuận với các con bà N tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng 1.500m² như đã thỏa thuận nhưng không được.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng thừa kế của bà N bao gồm các con là ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền cọc 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 100.000.000 đồng do vi phạm cam kết mà bà L và bà N đã thỏa thuận trong giấy nhận cọc ngày 06-01-2018.

Bị đơn:

- Ông Huỳnh Công Q trình bày:

Cha ông là Huỳnh Văn B (đã chết năm 1989) và mẹ là Lê Thị N (sinh năm 1954 – chết năm 2018). Cha mẹ có 04 người con gồm: Huỳnh Thái H, sinh năm 1973; Huỳnh Thế V, sinh năm 1976; Huỳnh Thị Minh H2, sinh năm 1981; và ông là Huỳnh Công Q, sinh năm 1980.

Về nội dung khởi kiện của bà L thì ông có biết. Mẹ ông có bán cho bà L 01 công đất (1.000m²) thuộc một phần thửa 60, tờ bản đồ số 12, xã L với giá 1.050.000.000 đồng. Nhưng hai bên mới làm hợp đồng đặt cọc ngày 06-01-2018, với số tiền 100.000.000 đồng hẹn 20 ngày ra ký công chứng.

Tuy nhiên đến hạn để ra ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng thì bà L lại không ra theo thỏa thuận để hoàn tất việc chuyển nhượng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà L, ông không đồng ý vì bà L đã vi phạm nghĩa vụ đặt cọc.

Ngoài ra, ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Ông Huỳnh Thế V trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Công Q về quan hệ nhân thân (cha mẹ, các anh em). Về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa mẹ ông với bà L trong năm 2018, ông hoàn toàn không biết.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà L, ông V không đồng ý bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông V không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Ông Huỳnh Thái H và bà Huỳnh Thị Minh H2 trình bày:

Bà Lê Thị N có 4 người con gồm : Huỳnh Thái H, Huỳnh Thế V, Huỳnh Công Q và Huỳnh Thị Minh H2.

Vào ngày 06-01-2018 bà N có sang nhượng cho bà L 1.500m² đất với giá 1.050.000.000 đồng, bà L đặt cọc cho bà N 100.000.000 đồng hẹn 20 ngày sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng. Do bà L không thực hiện theo thỏa thuận là không đến văn phòng công chứng, bà N và bà T đã đến Văn phòng công chứng ngồi đợi nhưng bà L không đến nên không tiến tới hợp đồng chuyển nhượng, việc không thực hiện hợp đồng được là do lỗi của bà L do đó không đồng ý trả cọc và không đồng ý bồi thường.

Ngoài ra, ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 136/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức quyết định:

Căn cứ cứ Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39; của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 hoàn trả tiền cọc 100.000.000 đồng và phạt cọc 100.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11-12-2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10-12-2019, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung:

Theo giấy nhận cọc ngày 06-01-2018 giữa bà N và bà L, hai bên đồng ý chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 12, diện tích không ghi nhưng các bên đều thống nhất diện tích đất chuyển nhượng là 1.500m², giá 1.050.000.000 đồng. Đến ngày hẹn bà N có đến Văn phòng công chứng nhưng bà L không đến để thực hiện cam kết thì lỗi thuộc về bà L. Riêng bà N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N được cấp thửa đất này có diện tích 2.034m², loại đất trồng lúa, trước đó ngày 17-4-2017 bà N đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà Nguyễn Thị T 500m², còn lại 1.500m² bà tiếp tục chuyển nhượng cho bà L, việc chuyển nhượng này đã vi phạm Quyết định số 66/2018/QĐ-UBND ngày 30-11-2018 quy định về diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An. Do đó, giấy nhận cọc ngày 06-01-2018 giữa bà N và bà L đã vi phạm vào điều cấm của luật nên giao dịch vô hiệu nên các đồng thừa kế của bà N phải hoàn lại cho bà L 100.000.000 đồng tiền nhận cọc trong phần di sản của bà N, đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát không rút kháng nghị.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại “Giấy nhận cọc” ngày 06-01-2018 không có ghi diện tích đất nhưng hai bên đương sự đã thống nhất là 1.500m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N được cấp là 2.034m², bà N chuyển quyền cho bà L 1.500m² là vi phạm Quyết định số 66/2018/QĐ-UBND ngày 30-11-2018 quy định về diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An nên giao dịch vô hiệu, các đồng thừa kế của bà N phải hoàn trả cho bà L số tiền nhận cọc là 100.000.000 đồng. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà L và chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Các bị đơn ông Huỳnh Thái H và bà Huỳnh Thị Minh H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng đặt cọc với bà Lê Thị N. Bà N chết ngày 17-7-2018. Bà L khởi kiện yêu cầu các đồng thừa kế của bà N bao gồm các con là ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền cọc 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 100.000.000 đồng. Do đó xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét Hợp đồng đặt cọc nhưng chỉ xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” là chưa đầy đủ, nên cần sửa án sơ thẩm, bổ sung thêm phần quan hệ pháp luật tại phần trích yếu của bản án.

[3] Tại “Giấy nhận cọc” ngày 06-01-2018 có nội dung: Bà Lê Thị N đồng ý nhượng lại quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 60, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã L, huyện B, giá chuyển nhượng 1.050.000.000 đồng, bà L có đặt cọc cho bà N số tiền 100.000.000 đồng, 20 ngày ra công chứng và bà L phải giao số tiền 600.000.000 đồng.

[4] “Giấy nhận cọc” không ghi diện tích đất chuyển nhượng. Những người làm chứng trình bày như sau: Ông Nguyễn Hữu L: Bà N thỏa thuận bán cho bà L diện tích đất 1.500m², với số tiền 1.050.000.000 đồng, giá 700.000.000 đồng/công. Trước đó bà N đã bán cho bà T 500m², không tách thửa được nên bà N gộp bà L (khoảng 1 tuần sau đặt cọc) bàn với bà L cắt thêm 500m² để bán cho bà T, bà L còn 1.000m², bà L không đồng ý (Bút lục số 78); bà Huỳnh Thị Lệ X (cán bộ địa chính xã L): Bà N có đến gặp bà và trình bày, bà N có bán cho bà L phần đất có diện tích 1.500m² trong tổng số diện tích 2.000m² mà bà N đang đứng tên nên bà có nói là không tách thửa được, vì phần còn lại là 500m² không đủ điều kiện để tách thửa.(Bút lục số 43); bà Nguyễn Thị T: Vào 17/4/2017 bà có mua của bà N phần đất diện tích 500m² thuộc thửa đất số 60. Khoảng đầu năm 2018 bà N có nói với bà là bà N có bán cho bà L 1.500m² thuộc thửa đất số 60, (Bút lục số 46); tại bên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 29-1-2019, các bị đơn ông H, ông V, ông Q và bà H2 thống nhất để bà H2 đại diện trả lời như sau: Ngày 06-01-2018, bà N ký giấy nhận cọc bán cho bà L diện tích đất là 1.500m²(Bút lục 87). Do đó, có căn cứ xác định tại “Giấy nhận cọc” ngày 06-01-2018 bà N thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất cho bà L với diện tích là 1.500m². Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q cho rằng bà N chỉ bán cho bà L 1.000m² đất là không có cơ sở.

[5] Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.034,8m², loại đất chuyên trồng lúa nước. Bà Lê Thị N được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ngày 20-12-2010, sau khi được cán bộ đo đạc và Ủy ban nhân dân xã L xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng, có thể hiện chiều dài các cạnh của thửa đất và ký giáp ranh.

[6] Trước đó, ngày 17-4-2017 bà N đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà Nguyễn Thị T 500m² nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền được, còn lại 1.500m² bà tiếp tục chuyển nhượng cho bà L. Như vậy, về mặt pháp lý, nếu tách cho bà L 1.500m² thì trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N thừa 60 chỉ còn 534,8m², việc chuyển nhượng này đã vi phạm Quyết định số 65/2016/QĐ-UBND ngày 05-12-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quy định về việc ban hành quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An tại Điều 6 quy định: *“Thửa đất mới được hình thành do tách thửa và thửa đất còn lại sau khi tách thửa có diện tích tối thiểu là 1.000m² đối với đất trồng lúa...”*. Do đó, giấy nhận cọc ngày 06-01-2018 giữa bà N và bà L đã vi phạm vào điều cấm của luật. Bà N và bà L đều biết việc chuyển quyền sử dụng đất theo nội dung giấy nhận cọc là không thể tách thửa được nên cả hai bên cùng có lỗi dẫn đến giao dịch vô hiệu, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ khi xác lập, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận nên các đồng thừa kế của bà N phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà N chết để lại, cụ thể là hoàn lại cho bà L 100.000.000 đồng tiền nhận cọc trong phạm vi di sản của bà Lê Thị N là phù hợp các điều 117, 122, 131, 328, 407, 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng lỗi thuộc về bà L để không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, một phần yêu cầu khởi kiện của bà L; chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức là có căn cứ. Cần sửa một phần bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Lê Thị N để lại; không chấp nhận một phần một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 trả 100.000.000 đồng tiền phạt cọc.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 phải liên đới chịu 5.000.000 đồng đối với một phần yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà L kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L;

Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 136/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39; của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 117, 122, 131, 328, 407, 615 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố “Giấy nhận cọc” ngày 06-01-2018 giữa bà Lê Thị N với bà Nguyễn Thị L là vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) trong phạm vi di sản do bà Lê Thị N để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận một phần một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 trả 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền phạt cọc.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí.

Ông Huỳnh Thái H, ông Huỳnh Thế V, ông Huỳnh Công Q, bà Huỳnh Thị Minh H2 phải liên đới chịu 5.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

